

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Nguồn gốc tiếng Việt

Ông Bình Nguyên Lộc đã chứng minh khi đối chiếu các danh từ Việt với các dân tộc chủng Cổ Mã Lai, nếu ta không giống Chăm thì cũng giống Khờ Me, không giống Khờ Me thì cũng Thái, không giống Thái thì cũng giống người Thượng. Tóm lại danh từ Việt thể nào cũng giống danh từ của nhóm dân cùng chủng Cổ Mã Lai nào đó. Sau đây là một số bản đối chiếu ngôn ngữ của ông:

Việt Nam : Cá (Mã Lai : *Ká*). Việt Nam : Cột (Sơ Đăng : *Kot*). Việt Nam : Mất (Sơ Đăng : *Mat*). Việt Nam : Mặt trắng (Bà Na : *Mạt trắng*). Việt Nam : Sông (Mã Lai : *Sôngai*). Việt Nam : Chim (Mường : *Chim*). Việt Nam : Con “cái” (Mường : *Kon*). Việt Nam : Ngày (Mường : *Ngai*). Việt Nam : Con ruồi (Bà Na : *Ko Rooi*).

(Tĩnh Túc - thanh.nguyen@student.uni-ulm.de)

Từ điển văn học mới

Vừa được phát hành đầu năm 2005. Nói là tái bản của Từ Điển cùng tên, ra đời trước đây hai mươi năm và có nhiều thay đổi cái nhìn mới, tư duy mới, và cái mới nghiêm túc. Một ví dụ đánh dấu cởi mở, là nhiều tác giả miền Bắc và miền Nam và nhiều tiết mục, đề mục đã được thay thế hoàn toàn...

Tuy nhiên một số chi tiết cần được bổ khuyết hay điều chỉnh:

Soạn giả tiết mục, đề mục này có vẻ là chuyên gia của Thơ Mới và văn chương tiền chiến ; viết về *Thi Nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, từ 1984, ông ghi là xuất bản tại Hà Nội, khi mọi người đều biết là tại Huế. Sai nhỏ thôi, nhưng nhỏ lớn gì, sai vẫn là sai. Cái điều lạ lùng là từ hai mươi năm nay độc giả hay các chuyên gia văn học không ai mách để ông sửa một lỗi sơ đẳng như vậy. Ngoài ra còn một số khiếm khuyết khác như:

- Chèo, ký họa của Bùi Xuân Phái.



Chèo – tranh Bùi Xuân Phái
(1920 – 1988)

- Huy Cận sinh năm 1919 nhưng không phải ngày 31-5; ngày này là do ông cậu bịa đặt khi làm giấy khai sinh lúc Huy Cận vào trường huyện, đã lên 8 tuổi. Chính Huy Cận đã xác nhận.

- Tô Hoài không sinh ngày 7-9. Ông ấy không biết ngày sinh, được bà cụ kể là sinh đêm Trung Thu 16 tháng 8, suy ra dương lịch là ngày 27-9-1920, các thư tịch Hội Nhà Văn đều ghi đúng.

- Nhà văn Tam Lang mất tại Sài Gòn ngày 7-1-1986 chứ không phải 1983.

- Kịch tác gia Vi Huyền Đắc, sinh ngày 19 -1-1899, chứ không phải 18-12, tại Hải Phòng chứ không phải Trà Cổ, Quảng Ninh là chính quán, theo báo Văn, Sài Gòn, số 136, ngày 1-10-1969.

- Thế Lữ tên là Nguyễn Đình Lễ.

- Khái Hưng tên là Trần Khánh Giu, vân vân...

(Đặng Tiến – Chimviet.free.fr)

Chữ nghĩa trong thơ

Còn nhớ, mùa hè năm 1988, Dư Thị Hoàn đã làm cho cả giới văn học Việt Nam thẹn thùng sững sờ vì những vần thơ táo bạo của mình:

"...Sau phút giây
Êm đềm trên ghế đá
Anh không cài lại khuy áo ngực cho em..."
(Tan vỡ - Lối nhỏ)

Bài thơ ấy đã dấy lên một cơn bão những lời xỉ vả của những nhà phê bình và những nhà thơ tên tuổi, những người vốn quen với hình ảnh các cô thiếu nữ Việt Nam e lệ, kín đáo, khép nép. Không thể có một hình ảnh khác! Họ la lối như bị lấy mất đi một cái gì quý báu lắm. Người phương Đông vốn quen che đậy những ý nghĩ của mình về "chuyện ấy", thà cứ lấp lửng như nữ sĩ họ Hồ, đặng này... Những khao khát thầm kín ấy, khi được người phụ nữ thốt ra, hay làm chạm nọc các vị tu mi nam tử, cứ như là họ có lỗi trong chuyện để cho phụ nữ có những ý nghĩ vợ vẫn như vậy trong đầu.

Người Việt sửa thơ Tàu

Chuyện là con của Cao Tông đời Sơ Đường, được cha phong là Đẳng Vương, xây một cái gác bên bến Tầm Dương để bằng hữu thi thơ tác phú. Vương Bột lúc ấy mới 15 hay 16 tuổi đến thả thơ để lưu danh thiên cổ với hai câu trong bài *Đẳng Vương Các Tự*.

Lạc hà dử cô lộ tề phi
Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc

Vậy mà có người cho là Vương Bột còn dốt nhưng không chỉ dốt chỗ nào, vì thế năm 29 tuổi, họ Vương đi thăm cha là Thái Sử ở Giao Chỉ và bị đắm thuyền chết ở gần xã Thổ Thành, Nghệ An. Hồn vất vương không siêu thoát nên mỗi lần mưa gió lại hiện lên, níu áo văn nhân sĩ tử qua đường, ai oán ngâm thơ của mình và hỏi dốt ở chỗ nào, xin chỉ giáo, dân làng lập đàn cúng tế cũng không xong. May có trạng nguyên Hồ Tông Thốc đời Trần dưới đời vua Trần Nghệ Tông.

Nhân lễ Nguyên Tiêu, ông ghé Nghệ An, đạo nhân Lê Pháp Quan nghe được kỳ thoại miếu thần, nên mời vào miếu thờ Vương Bột để cầu an cho trăm họ. Hồ Tông Thốc thấp hương lâm râm khẩn với Vương Bột tự Tử An, cái tên như vận vào người nên chết vẫn không yên thân rằng: "Hai câu ấy không phải là sai, nhưng nhà người còn dốt thật, đã bao năm có

tiếng là Tứ Kiệt của sơ Đường mà chẳng nhận ra điều ấy ư. Vậy thì mỗi câu bỏ một chữ, như “tề phi” là cùng bay thì không cần chữ “*dữ*” nghĩa là...“vời” nữa. Câu thứ nhì vì rằng “nhất sắc” tức một màu thì không cần chữ “*cộng*” là...“*cùng*” nữa. Từ đấy hồn ma Vương Bột biến mất, dân không phải đốt vàng mã cúng tế nữa.

(Trương Quang – báo Ngày Nay)

Thành ngữ trong *Từ điển thành ngữ tiếng Việt*

Từ điển phải là khuôn vàng thước ngọc cho người tra cứu nó, vì vậy người làm từ điển phải sàng lọc mà loại bỏ những hình thức “*ăn theo*” của người làm từ điển trước những hình thức dị dạng đã thấy (và chưa thấy hết) như *Từ điển thành ngữ Việt Nam* do Nguyễn Như Ý. Những thành ngữ sai này đã cho thấy thái độ thiếu trách nhiệm của các nhà biên soạn *Từ điển thành ngữ Việt Nam* đối với ngôn ngữ.

– “*Bạt ngàn man dã*”. Đây là đặc sản của các nhà biên soạn, còn câu thành ngữ chánh gốc là “*bạt ngàn sơn (san) dã*”. Vậy nói “*bạt ngàn man dã*” thì có sợ là ... man dã hay không?

– “*Cà cuống chết đến ức còn cay*” Hình thức gốc là “*cà cuống chết đến đít còn cay*”. Đâu có thể cho rằng vì côn trùng nhỏ bé cho nên nhích từ đít lên ức thì chẳng có bao nhiêu milimét ! Và lại, “*chết đến đít*” có nghĩa là chết đến nơi rồi. Chữ “*đít*” ở đây đâu có phải là bộ phận thân thể mà thay bằng “*ức*”!

Nếu biện bạch rằng đó là bộ phận thân thể, thì đối với côn trùng như con cà cuống, đít đã là chỗ cuối cùng. Vậy “*chết đến đít*” là chết đến chỗ chết, còn *ức* thì mới ở...lưng chừng mà thôi: cái chết đâu phải đã triệt để !

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

Nói lái

Thời kháng chiến ở miền Bắc, vùng tề có câu:

*Chú phỉnh tôi rồi, chính phủ ơi
Chiến khu tiền bạc, chú khiên rồi
Thi đua vượt chỉ, thua đi đây
Kháng chiến lâu ngày, khiến chán thôi*

(Nguyễn Hữu Phước – Nói lái)

Tiếng Việt vừa dễ vừa không dễ

Nhân tiện đây xin kể một câu chuyện có liên quan đến con gà đực (hùng). Người bắc gọi con gà đực là gà *sống* (trống). Những năm đầu thế kỷ 20 văn học dân gian Việt Nam có giai thoại về một câu đối như sau:

Vào ngày giáp tết, một tên Tây đoan (thuế vụ) dẫn lính về làng lũng bắt rượu lậu. Thấy trong đình làng tụ tập đông người, hắn liền chỉ gậy ba-toong hách dịch hỏi, dân tụ tập làm gì. Một cụ già trả lời rằng đang họp nhau làm câu đối. Mắt tên Tây sáng lên như...đèn pha. Nhìn thấy giữa sân có một *cây mít*, hắn liền đọc to :
- *Đình tiền định lập vô tri thụ*

Các cụ không ngờ thằng Tây thạo cả chữ Hán. Thằng Tây cười đắc chí bỏ đi, hẹn một canh giờ sau trở lại nghe về đối. Các cụ cũng nhức óc, bí tịt, không biết đối ra sao.

Câu đối của thằng Tây nghĩa là :

- Trước sân sừng sững một *cây không biết*

Oái ăm thay hẳn lại chơi chữ "*cây mít*" nó gọi là "*cây không biết*", có ý khinh dân ta dốt. Một lúc sau thằng Tây quay trở lại, bỗng ở phía sau sân đình một con gà sống (trống) cất tiếng gáy lãnh lót. Một cụ già sáng trí, đứng lên đồng dặc đọc về đối :
- Bích hậu tường minh *bất tử kê*

Nghĩa là sau tường rõ ràng nghe tiếng gáy của con gà *bất tử*. Cụ chơi chữ thật cừ. "*Bất tử kê*" là con *gà sống* (không chết), đối lại với "*vô tri thụ*" (cây không biết). Thật chính cả ý lẫn lời.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Ca dao và lịch sử

Trong xã hội Việt Nam ngày trước, có hạng sĩ phu, ở lẫn trong dân chúng, thường nhận định về các hoạt động của giới cầm quyền đương thời và đề xuất những câu sấm để tuyên truyền cho một phe phái nào đó. Câu sấm được truyền trong dân gian bằng cách dạy cho trẻ con hát khi nô đùa ở các nơi công cộng.

Chẳng hạn câu sấm sau đây, dưới hình thức ca dao, tương truyền là của cụu thần nhà Mạc tổ chức chống Trịnh làm ra để liên lạc với các đồng sự tìm đến cơ sở ở mạn Bắc:

*Ai lên Phố Cát Đại Đồng
Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa?
Có chồng năm ngoái năm xưa
Năm nay chồng bỏ như chưa có chồng*

(Phương Nghi - Tạp chí Tài hoa trẻ)

Tiếng Việt khó... thương

Hỏi : Thằng cu, con gái uống nhiều coke trong người nóng "đỏ máu cam". Có lẽ đa số người Bắc đều dùng từ này? Vậy chữ "*cam*" là màu sắc (vàng cam) hay có nghĩa gì khác? Tại sao không nói "*đỏ máu đỏ*"?. Có ai biết xin cho ý kiến dùm nha.

Đáp : Đỏ máu xuống *càm* gọi là đỏ máu cam.

Như thế "*cam*" gốc chữ Hán. "*máu*" là gốc chữ Nôm/Việt ngữ.
"Đỏ máu cam" có nghĩa là "Máu chảy xuống *cằm*" được ghép hợp bởi chữ Nôm & Hán



Theo tự điển *Thiếu Chửu* :

Cam - hàm, cằm.
Tị, ty - mũi, lỗ mũi.
Huyết - máu.
Tị huyết - máu chảy từ mũi ra.
Máu cam - máu chảy xuống *cằm*.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Khác biệt văn hóa

Mắng thẳng ngu...
Hà Nội : ngu trên cả tuyệt vời.
Sài gòn: ngu thấy mẹ.

Tục ngữ Tàu

Thượng bất thượng, hạ bất hạ
(Trên chẳng ra trên, dưới chẳng ra dưới)

Đây là một hình thức chơi chữ của người Tàu vì “Thượng bất thượng, hạ bất hạ” là chiết tự của chữ “nhất”.

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Tự lực văn đoàn

Tự lực văn đoàn mới đầu chỉ có ba anh em ruột gồm: Nhất Linh, Thạch Lam và Hoàng Đạo. Họ họp nhau ở Thái Hà. Lúc bấy giờ tiền thân của Tự lực văn đoàn là tuần báo Phong hóa 1932. Phong Hóa bị đóng cửa, tuần báo Ngày nay ra đời 1939.



Theo *Di bút đời làm Báo* của Nhất Linh, nhóm “*thất tinh*” gồm có Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Khải Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ và Xuân Diệu.

Các tác phẩm văn chương của nhóm đóng một vai trò lớn trong công việc mô tả tranh chấp mới cũ, đề cao đời sống mới. Trên căn bản chấp nhận tinh thần tự do, dân quyền của những nhà tư tưởng đã làm thành cuộc cách mạng tư bản 1789 của Pháp. Lý thuyết gia chỉ đạo của Tự lực văn đoàn là Hoàng Đạo viết: *Mười điều tâm niệm*, Nhất Linh đã viết *Đoạn tuyệt*, Khải Hưng viết *Nửa chừng xuân*. Trên phương diện xã hội đã đưa ra phong trào Ánh Sáng. Sau cùng nhóm thành đảng Hưng Việt hoạt động cách mạng, kéo liền theo đó, Khải Hưng chết. Nhất Linh bỏ ghế bộ trưởng chạy sang Tàu, Hoàng Đạo chết ở Tàu, Tú Mỡ, Thế Lữ ở lại với Cộng-sản, còn một mình Nhất Linh bơ vơ, lạc lõng ở Miền Nam đề cao văn chương vượt thời gian không gian...

(Đầu năm 1941, cả Phong Hóa và Ngày nay đều đã đình bản. Tờ *Chủ Nhật* ra được mấy số cũng bị rút giấy phép. Nhóm Tự Lực không còn báo trong tay, đành ra sách gọi là *Sách tết Đời Nay*. Lạ một điều là trong cuốn sách 48 trang khổ to như báo ấy, các tác giả Thế Lữ, Khải Hưng, Thạch Lam đều không ký tên thật của mình sau các bài viết. Người đọc chỉ căn cứ vào giọng văn và nội dung bài viết để suy ra tên tác giả).

Vào Nam, Nhất Linh ra tờ *Văn Hóa Ngày Nay* trong số 1 số ra mắt đề ngày 17 tháng 6 năm 1958, trong đó có tên các tác giả sau đây là thành viên mới của Tự lực văn đoàn: Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thành Vinh, Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo, Duy Lam, Tường Hùng, Trương Bảo Sơn.

Thơ Đường

Trong bộ Toàn Đường Thi ấn hành vào năm 1707 thì Thơ Đường lên đến 48.900 bài thơ của hơn 2.200 thi nhân gồm 900 quyển hợp thành 30 tập. Trải qua hơn ngàn năm từ đời vua Đường Cao Tổ hiệu Vũ Đức (618) đến thời kỳ Thịnh Đường (713), Trung Đường (766), Vãn Đường (905) của Đường Chiêu Tuyên Đế, thời điểm kết thúc của Thơ Đường. Trải dài trong thời gian sử liệu Đường Thi đó, còn lại bao nhiêu thi tài lỗi lạc được đa số người đời nhắc nhở, ngưỡng phục và đánh giá như những nhà thơ vĩ đại. Những thi phẩm của họ đã thuộc về những gia tài quý báu tuyệt hảo của nhân loại. Lý Bạch được tôn vinh là Thi Tiên, Bạch Cư Dị là Thi Hào, Thôi Hiệu là Thi Bá, Đỗ Phủ là Thi Thánh, Vương Duy là Thi Phật...

Đường Thi tuyệt tác lưu truyền vượt qua thời gian gần cả ngàn năm nay. Đó là Lộ Trại của Vương Duy, Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu, Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế, Đền Vương Các của Vương Bột, Hồi Hương Ngẫu Thư của Hạ Tri Chương, Đề Tích Sở Kiến Xứ của Thôi Hộ, Bạc Tần Hoài của Đỗ Mục, Tùng Hạ Vãn Đồng Tử của Giả Đảo, Tương Tiến Tửu, Tĩnh Dạ Tứ của Lý Bạch, Phục Sầu của Đỗ Phủ, Thạch Hào Lại của Đỗ Phủ...

(Thái Tú Hạp - Thơ thiên Việt Nam, Đường thi Trung Hoa và Haiku của Nhật)

Văn hóa mới

Trên hệ thống truyền hình, trả lời câu hỏi:

- Xin cho biết Tự lực văn đoàn là gì? Và Nhất Linh là ai?

Một giáo viên Đại học sư phạm Hà Nội trả lời:

- Tự lực văn đoàn là một đoàn văn nghệ.

- Nhất Linh là một kép hát.

(Nguyễn Thanh Ty – báo Sài Gòn Nhỏ)

Tiếng Tàu tiếng Ta

Ngày xưa ở bên Tàu, các quan Tàu (như Bạch Cư Dị) bị đi đày gọi là “biếm trích”, nơi bị đày được gọi là “trích địa”.

Ngày nay ở bên Ta, các quan Ta bị đi đày bị kêu là được “cải tạo”, nơi bị đày gọi là “trại cải tạo”.

Cải tạo là tiếng...Tàu. Thế mới đau.

Truyện cực ngắn hay truyện chớp Đời sống

Con người ta sống trên đời, vô danh thì dễ.

Tầm chương trích cú

Khoảng những năm 1945 ở nhà quê miền Bắc khi đi xem kịch đêm ở đình làng, dân làng treo *cây đèn đất* để xem kịch.

Đèn đất là một loại đèn thấp sáng bằng “khí đất”. Nó là một thứ khoáng chất giống như đất cho vào bình kim khí, trên có bình nước. Nước nhỏ xuống ngấn “khí đất”, gặp nước, khí đất bốc hơi lên gặp lửa là cháy.

(Hoàng Hải Thủy - Chín tầng gương báu trao tay)

Thành ngữ ta và Tàu

Ta có câu “đo lu nước mắm, đếm củ dưa hành”. Với Tàu là “sổ mẽ nhì xuy”, nghĩa “đếm gạo mà thổi cơm”, ám chỉ thứ người như vậy thì “khả trị gia bất khả trị quốc”.

Văn hóa cà phê

Ở Hà Nội, trước đây cũng có những quán cà phê ra đời từ những năm 50s như cà phê Giảng, cà phê Nhân. Cà phê Giảng, theo lời những người lớn tuổi, là điển hình cho cà phê phố cổ Hà Nội.

Cà phê Nhân, năm 1954 đã di cư vào Sài Gòn, và mở lại ở một căn nhà nhỏ xinh xắn mặt tiền đường Lý Thái Tổ, kế bên tiệm phở Tàu Bay và gần nhà thờ Bắc Hà.

Sau này, theo giới sành điệu cà phê của Hà Nội, đất ngàn năm văn vật có thêm các quán cà phê đầy "phong cách văn hóa trữ tình và lãng mạn" như cà phê Ánh ở đường Quán Sứ, chung quanh tường được trang trí bằng những bức ảnh của nhiếp ảnh gia Hoài Linh, hay cà phê Lâm, cà phê Tùng Hậu cũng trang trí bằng những bức tranh của các họa sĩ nổi tiếng Việt Nam. Và cũng như Sài Gòn, Hà Nội không thiếu những quán cà phê nhạc sống, dưới hình thức nhạc thính phòng.

(T.Vấn – Văn hóa cà phê)

Ca dao thành ngữ

Câu “*Vẽ rấn thêm chân*” là của Tàu. Thêm một câu khác đồng nghĩa là “*Vẽ rết thêm chân*” của Ta.

Trong hai câu thì câu “*Vẽ rết...*” của Ta nghe hợp lý hơn vì con rết đã có cả trăm chân, nay nếu vẽ “thêm” chân nữa...thì mới thành chuyện.

Chữ nghĩa thập niên 20

Hành – Hành là bài văn vắn, số câu không nhất định, khi từ đầu chí cuối chỉ dùng nguyên một vắn, khi cách mấy câu lại đổi vắn.

Những bài hành thường dùng để tự thuật một sự tình, như *Tỳ bà hành*, *Đào nguyên hành*, *Trường can hành*.

(Phan Mạnh Danh – Đắc Đông Tự)

Ôn cố tri tân

Tàu có câu “*dủ học đủ ngu*” hiểu theo nghĩa là càng học càng ngu, học ít ngu ít, học nhiều ngu nhiều.

(Chữ nghĩa thánh hiền dạy rằng: không học thì không...ngu).

Báo và tạp chí 1945-1954

Tại Hà Nội, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam ra báo *Thiết Thực* đấu tranh với Việt Minh.

Nhóm Hàn Thuyên với Trương Tửu ra tờ *Dân Mới* đối đầu với Cộng Sản. Trương Tửu còn thành lập nhóm Tân Văn Nghệ, xuất bản sách *Tương Lai Văn Nghệ Việt Nam* để phê phán nền văn nghệ Cộng Sản.

Trong khi Việt Minh thành lập nhà xuất bản Văn Hóa Cứu Quốc năm 1946, phát hành tạp chí *Tiền Phong*.

(Mặc Giao – Văn học Việt Nam)

Tác phẩm cuối cùng

Nhà văn Khái Hưng bị Việt Minh thủ tiêu vào đêm giao thừa Tết nguyên đán năm Đinh Hợi 21-1-1947 và ném xuống sông tại bến đò Cựa Gà, Nam Định.

Tác phẩm cuối cùng của Khái Hưng là *Bóng giai nhân* mà Nguyễn Thách Kiên (1966) sưu tầm được đưa vào bộ sách lấy tên là *Kỹ Vật Đầu Và Cuối Cùng*.

Các truyện ngắn gồm: Bóng giai nhân, Lời nguyện, Hồ, Tây xông nhà, Quan công xứ, Nhung, Khói hương, Người anh hùng, Tiếng người xưa.
Và ba vở kịch: Câu chuyện văn chương, Khúc tiêu ai oán, Dưới ánh trăng.

(Trọng Đạt – tập san Tân Văn)

Vững lợi đường Ngang

Cụ Nguyễn Khuyến với thơ văn chữ Hán để lại cho đời sau có trên dưới 350 bài nhưng nay chỉ có 23 bài do chính cụ tự dịch lại thơ mình ra quốc âm (thơ nôm).

Một trong số những bài thơ đó có bài *Vững lợi đường Ngang*:

[Đầu đường ngang có một chỗ lợi](#)
[Có đền ông Cuội cao vòi vọi](#)

Và tên nguyên bản bài thơ chữ Hán là *Vũ phu đôi* tức *Đền ông cuội*.

Con đường ngang hư cũ trong câu đầu là con đường nối liền quốc lộ vào quê hương ông (làng Vị Hạ, Vị Thượng), nếu dân muốn đi tắt về nhà thì phải lội qua một vũng nước sâu. Đây là một con đường băng ngang qua cánh đồng của làng Phú Đa. Dọc đường có những nắm mỏ vô danh. Người ta đắp hay vun đá cuội lên thành gò, gò mả nằm bên đường. Mả bấy giờ được gọi là "mả cuội", "đống ông cuội". Nếu khúc đường có "mả cuội" mà có lời đồn là linh thiêng, người ta sẽ thắp nhang trên mả ấy, lâu ngày ai đó xây một cái am nhỏ, mả trở thành "miếu ông cuội", và ông Thần Cuội ra đời.

(Lai Quang Nam – tạp chí Tin Văn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Nếu biết rằng em đã lấy chồng
Anh về bắt vịt nhỏ sạch lông
Tiết canh làm đại vài ba đĩa
Mượn rượu cho nguôi vết thương lòng

Giai thoại làng văn

Tố Hữu nói chuyện thơ với Xuân Diệu: "Thường khó làm câu đầu và câu cuối. Câu cuối phải gọi ra cái gì rộng hơn cái mình nói trong thơ. Phải mở, không được đóng. Đóng lại là vô duyên. Đọc câu cuối người ta còn nghĩ, còn vợ vợ vẫn vẫn, thế hay hơn.

Còn từ câu đầu đến câu cuối không biết trước, thơ kệ nhất đọc câu trước người ta đoán được câu sau. Phải cho thơ tự nó sinh sôi, phát triển. Có ai đó nói rằng, nhà thơ hoàn toàn

biết rõ tiến trình sáng tác một bài thơ, hoàn toàn biết trước câu thơ cuối cùng của tác phẩm. Tôi thì có khi làm xong bài thơ, cũng ngỡ ngỡ ngác ngác về tác phẩm của mình. Sáng tác là cảm xúc không luôn luôn tỉnh táo.

Anh Xuân Diệu hỏi tôi, sao anh lại tạo ra được hai câu: “*Nỗi niềm chi rứa Huế ơi, Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên*”?

Tôi cũng không biết sao mình lại tài thế!

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Nói lái

Ông Lãng Nhân, trong quyển *Chơi chữ* có nhắc đến những chuyện nói lái thời Pháp thuộc qua câu: Không phải “*thầy tu*” nhưng rất “*thù Tây*”.

Hay một câu khác:

Chùng nào lúa mọc trên chì
Voi đi trên giáy rồi đời *thầy tăng*

Hai chữ “*thầy tăng*” nói lái là “*thằng Tây*”.

Phụ chú: Pháp cho sản xuất tiền bạc các bằng chì có bó lúa và giấy bạc một trăm có in hình con voi.

(Nguyễn Hữu Phước – Nói lái)

Phẩm hàm

Ngày xưa còn ở miền Bắc, các vị hương chức, mỗi lần có hội hè đình đám gì thì ăn rồi còn được chia phần mang về một đĩa xôi, một miếng thịt, cho cả nhà vui vẻ, gọi là miếng thịt làng, tuy nó ít nhưng nó hãnh diện, còn hơn là cả một sàng thịt mà bu nó mua ở chợ mang về. Đó cũng là một cái danh, cái lợi. Chớ nếu không làm ông nọ, ông kia thì làm gì được miếng thịt làng mà “xơi”. Vì thế nên cái mâm mồng mua danh mua chức mới phát sinh. Nhỏ thì mua nhỏ, lớn thì mua lớn. Ở thôn quê làng, xã thì mua Lý Trường, Phó Lý, còn cao hơn, giàu hơn một tí thì mua Hàn Lâm, Cử Phẩm

Như cụ Lý Trường làng tôi, có thể nói chữ nghĩa cụ uyên thâm vào bực nhất trong vùng. Năm 1919 cụ có dự khoa thi Hương cuối cùng của triều đại Hán học, nhưng không đỗ. Cụ về làng làm Lý Trường, và làm Trùm Họ Tiền Môn, nên người làng quen gọi cụ là cụ “Trùm Lý”. Đó là gọi tắt hai chức vụ Trùm họ và Lý trường. Làng tôi cũng như phần nhiều làng xã miền bắc, có cái tục lệ kiêng tên. Ít người dám gọi tên cúng cơm của nhau ra. Tôi chỉ thấy người ta gọi nhau là: ông Lý, ông Phó, ông Xã, ông Trùm...Thậm chí có những người không có địa vị trong họ, ngoài làng, thì người ta gọi bằng cái nghề của người đó, như nghề thợ mộc, thợ may, đóng cối... Cũng được gọi là ông phó: phó mộc, phó may, phó cối ...

Có người bảo trong làng có cả đồng ông lý, ông phó, thì làm sao mà phân biệt được? Vâng! vì thế mới có danh xưng ông lý cụu, ông lý mới, ông lý cửu, ông lý bá...Cụ Trùm Lý cũng vậy người ta gọi cụ là cụ Trùm Lý, để phân biệt với với cụ Trùm Chánh, cụ Trùm Chỉ, cụ Trùm Phó...

Công việc làng, việc nước, hay nói chung là các chức vị trong hương thôn, thì chỉ làm việc sau năm năm là mãn hạn. Còn nếu có khả năng, có sức làm mà “cổ đấm ăn xôi” làm thêm năm, ba năm nữa để kiếm tí phẩm hàm, thì được gọi là ông Lý Cửu, hay ông Lý Bá. Tùy ở bằng sắc nhà Vua ban. Thí dụ chỉ là một hương chức trơn, không có bằng cấp gì, thì được

thường hàm Cửu Phẩm Bá Hộ. Còn nếu có bằng cấp như Khóa Sinh, sau này là bằng Sơ Học trở lên, thì được thưởng hàm Cửu Phẩm Văn Giai.

(Thúy Sơn - Bên dòng sông Trà)

Giá sách cũ

Khái Hưng đã chết như thế nào? Từ rất lâu, mỗi lần gặp lại tên Khái Hưng, tôi lại nghĩ đến điều đó và cùng lúc tôi vẫn muốn biết *Tại sao Cộng sản thủ tiêu Khái Hưng?*



Hồi còn nhỏ ở Hà-nội, đọc một tờ tuần báo vào khoảng năm 1950 gì đó tôi có được thấy trong một thiên hồi ký, không nhớ tên tác giả, không nhớ rõ tên thiên hồi ký, tôi chỉ nhớ thiên hồi ký mô tả lại những ngày tù tội của các chiến sĩ quốc gia bị V.M. bắt giam, trong thiên hồi ký có một đoạn tác giả cho biết đã gặp Khái Hưng trong một trại giam ở Việt Bắc, tác giả cho biết lúc đó Khái Hưng ốm yếu, bị đi kiết vì bị hành hạ và cuộc sống đầy ải của nhà tù, rồi Khái Hưng chết ở đây, những chiến sĩ quốc gia, những bạn của Khái Hưng đã dẫn tre làm phen quán xác Khái Hưng thay quan tài và an táng trong một khu rừng ở Đại-tử, những điều này tôi nhớ mơ hồ lắm và cùng đó hình như tác giả còn nói ngày Khái Hưng chết là 17-11 năm 1947.

Trong thời gian làm tờ Văn Nghệ tại nhà in ở đường Cô Bắc tỉnh cờ tôi được nghe truyện về Khái Hưng, người nói chuyện giới thiệu là một người cháu về đảng bà Khái Hưng, người này nói chính ông đã gặp Khái Hưng lần cuối vào ngay buổi chiều cán bộ V.M. bắt Khái Hưng dẫn đi, bọn cán bộ này là một thứ du kích tự vệ xã, Khái Hưng mặc quần áo thường, mang theo một chiếc chăn dạ màu cứt ngựa, người kể truyện gặp Khái Hưng ở đầu làng, Khái Hưng có nét mặt rầu rầu buồn bã mỉm cười và giơ tay chào. Sau đó, người nói chuyện bảo dù rất kín, mấy tên du kích đã lộ ra rằng họ bỏ Khái Hưng vào bao bố đấm chết rồi quăng xuống sông.

Không hiểu ngoài những điều mơ hồ, không có gì làm bằng chứng kia, còn có những điều nào khác được kể về cái chết của Khái Hưng? Có điều *Khái Hưng đã chết*.

Khái Hưng đã chết thực và tác phẩm cuối cùng của Khái Hưng -theo như ghi chép- để lại cho chúng ta là tác phẩm *Bản thảo*, trước khi Khái Hưng bước vào đoạn đường tranh đấu cách mạng cùng các bạn, cùng toàn dân để giải phóng dân tộc và Khái Hưng đã chết trong cuộc tranh đấu đó.

(Dương Nghiễm Mậu – Nhân nghĩ về Khái Hưng)

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Hỏi : Thời thơ ấu mình có nghe bài về về các loại trái cây thật hay và ý nghĩa lắm , bây giờ mình không nhớ hết nguyên bài về , các bạn nào biết xin góp một tay nhe...

Nghe về nghe về nghe về trái cây

Trái ở trên mây là *trái đậu rồng*

Có vợ có chồng là *trái đu đủ*

....

Rủ nhau làm xấu *trái cà dái dê*

Ngựa ngáy gãi mê là *trái mắt mèo...*

Đáp : Đợi tui dzô Google coi nha. Mà *cà dái dê* là giống gì dzậy...cà?

(Trau giồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Làm giàu tiếng Việt

Khoảng những năm '60 hay '70 tôi đọc một cuốn sách xuất bản ở Hà-nội "Dạy tiếng Việt ở Đại học", tôi đã bắt gặp chữ *lô-gích*, giờ tự vị Đào Duy Anh ra mới được biết "logique"...là "hợp lý"..

Có người bảo tôi : "Hợp lý" không phải là "lô-gích", chính người Trung quốc đã bảo không nên dùng". Tôi thấy lập luận này không ổn, ngộ mai kia người Trung quốc nghĩ lại, đổi ý bảo nên dùng thì mình cũng lại bắt chước họ hay sao?

Vay mượn những từ ngữ không có trong tiếng Việt là chuyện cần nhưng trong trường hợp ta đã có chữ sẵn mọi người đều hiểu, như "hợp lý", tại sao ta lại vay "lô-gích" chỉ có một số người hiểu ? Nếu thấy chữ "logique" còn có nghĩa rộng hơn "hợp lý" thì sao không giữ cả hai : "hợp lý" để cho dễ hiểu, và dành "lô-gích" ở những chỗ không dùng "hợp lý" được, như thế mới đúng là "làm giàu cho tiếng Việt", chứ thay thế "hợp lý" bằng "lô-gích" thì có lợi thêm được chữ nào đâu mà bảo là "làm giàu"?

Nếu cho rằng "hợp lý" cũng không phải tiếng Việt thuần túy, chỉ vì dùng lâu ngày nên được Việt hóa ai cũng hiểu, vậy cứ dùng mãi chữ "lô-gích" tất một ngày kia mọi người đều hiểu. Đành thế, nhưng phải mất bao nhiêu thời gian mới đi đến chỗ "mọi người đều hiểu" ?

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – “Bách Việt” nói tiếng “Bách ngữ”)

Về Kinh Bắc



Theo nhà thơ Hoàng Hưng thì: Nhà thơ Hoàng Cầm viết tập thơ "Về Kinh Bắc" từ 1959/1982, chủ yếu lưu truyền bằng chép tay (ngoài luồng) đây là một sự kiện "hậu Nhân văn-Giai Phẩm".

Trong đó bộ 3 bài "cây-lá-quả": Cây tam cúc, Lá diêu bông, Quả vườn ổi là nổi bật nhất vì chúng được giới Văn nghệ xi xâm diễn giải như một lời oán trách của "em" (văn nghệ sĩ) với "chị" (Đảng) .. đại khái là "em" yêu "chị", nhưng "chị" đã lừa "em", cho "em" ăn toàn "quả rụng", rồi bỏ mặc "Em" bơ vơ để đi lấy chồng...

- Hoàng Hưng vì xin được, có trong tay mấy bài thơ trên nên bị đi tù 39 tháng.

(Nguyễn Khôi – Chimviet.free.fr)

Những tiếng đồng âm

Người miền Nam (An Giang) có những tiếng đồng âm nghe thật nhức nhối !!!

Một ông hỏi bạn:

"Ý mềng ơi! Qua qua đây mà qua hồng cho qua hay! Hổng rày qua nói qua qua mà sao qua hổng qua?"

Ông bạn trả lời:

"Hầy! Qua nói hổng qua rồi qua lại qua. Qua mong qua quá trời!"

Ông kia giảng giải cho dễ hiểu hơn:

"Bời vậy (vậy)! Qua tính hổng qua, nhưng nợ qua yán (ván) cờ nên qua phải qua."

(Chua thật! Miễn phải dài dòng với "qua" vừa là động từ, vừa là nhân xưng đại danh từ cho ngôi thứ nhất và nhân xưng đại danh từ cho ngôi thứ...hai.)

Người miền Bắc có những tiếng đồng âm nghe nhiều khê chẳng kém gì:

Nhớ ai ra ngẩn vào ngờ

Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?

Kỹ nữ và Mê hồn ca

Thạch Lam quen thân Đinh Hùng, ông dắt đưa bạn trẻ đến trụ sở Nxb *Đời nay* ở phố Quán Thánh, rồi giới thiệu hết lời về Đinh Hùng với Thế Lữ, Khái Hưng, Nhất Linh nữa.

Và sau, chính Thế Lữ- là người đầu tiên nâng đỡ đích thực nghiệp văn thơ đầu đời nhà thơ trẻ - và Đinh Hùng tự-sự- kể:

'...Hồi đó mỗi khi làm xong bài thơ nào, tôi thường tìm Thế Lữ để đọc cho ông nghe. Lần nào cũng vậy, nghe xong, ông lắc đầu bảo: " Chưa được, cậu cần phải chịu khó hơn nữa". Tôi buồn quá vì tự ái nổi dậy, nghĩ thế nào cũng phải làm cho được 1 bài thơ hay. Không lẽ cứ để cho Thế Lữ chê hoài ?...'

Hồi ấy, Đinh Hùng đang yêu thầm nhớ trộm một cô đầu trẻ ở phố Khâm Thiên- khi tác giả làm xong bài thơ "*Kỹ nữ*", liền đem đến khoe nhắng với Thế Lữ. Thi sĩ "*ông Trùm thơ Đời Nay*" thông cảm háo hức bạn trẻ, đọc ngay, im lặng hồi lâu, chậm rãi, phán:

"...được lắm ! cậu nên làm theo thể loại này!"

Thế là "*Mê hồn ca*" được hình thành từ thời kỳ đó.

(Thế Phong – Đinh Hùng: Giải thơ văn chương toàn quốc)

Tam tự kinh



Nhân chi sơ: *Sờ vú mẹ*

Tính bản thiện: *Miệng muốn ăn*

Tam tự kinh: *Rình cơm nguội*

Đó là những câu trong sách *Tam tự kinh* (Kinh ba chữ) trong quyển sách *Vỡ lòng* của những học trò “*Cầm miếng bánh đúc chạy quanh nhà thầy*” để học chữ Hán ngày xưa,,

(Hoàng Hải Thủy – báo Sài Gòn Nhỏ)

Thành ngữ trong *Từ điển thành ngữ tiếng Việt*

Từ điển phải là khuôn vàng thước ngọc cho người tra cứu nó, vì vậy người làm từ điển phải sàng lọc mà loại bỏ những hình thức “ăn theo” của người làm từ điển trước những hình thức dị dạng đã thấy (và chưa thấy hết) như *Từ điển thành ngữ Việt Nam* do Nguyễn Như Ý. Những thành ngữ sai này đã cho thấy thái độ thiếu trách nhiệm của các nhà biên soạn *Từ điển thành ngữ Việt Nam* đối với ngôn ngữ.

Như câu “*gót chân ô-sin*” cũng bị họ xem là thành ngữ tiếng Việt.

Quái đản hơn nữa là câu “*giờ nanh dẩu mỏ*” đã bị họ ghi nhận là của V. Huy Gô (Victor Hugo) trong “*Những người khốn khổ*”. Thật là khôi hài khi mà Victor Hugo lại dùng tiếng Việt để đóng góp cho nhân dân Việt Nam một câu chửi giống ai.

Mỗi thành ngữ là một đơn vị từ vựng thống nhất và duy nhất nên không thể tùy tiện thêm, bớt hoặc thay thế các thành tố của nó được. “*Gạo châu củi quế*” mà đổi thành “*ngô (hoặc bắp) châu củi quế*” thì nghe khó lọt lỗ tai. Nếu có ai đó hài hước mà nói «bột mì châu hơi đốt quế» thì có nên ghi nhận vào từ điển thành ngữ hay không?

Nhà làm từ điển thành ngữ mà lại “ăn theo” một câu nói như thế thì tội nghiệp cho tiếng Việt biết chừng nào !

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

Chữ nghĩa làng văn

Nào ai biết được bông hay *cúi*

Nọ kẻ phân vân ra cuối với đầu

Cứ ngỡ chữ “*cúi*” của cụ Nguyễn Khuyến trong bài *Chỗ lội làng Ngang* với “Ông Cuội ngồi trên mím mép cười - Cái gì trắng trắng như con *cúi*...”.

Hóa ra bé cái nhảm, bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương đã “biết” chữ này từ mấy trăm năm trước...

(Mới nghe cũng nghĩ rằng là thực - Sau ngẫm mà xem một tiếng...bòm Hồ Xuân Hương)

Hát cô đầu

Mỗi lần đi từ ga Hàng Cỏ về nhà, tôi phải đi qua phố Khâm Thiên. Một dãy phố toàn là nhà hát cô đầu. Gọi là “Cô đầu” hay “Ả đào” cũng vậy. Nhưng gọi là cô đầu nghe nhẹ nhàng, thanh lịch hơn. Cô đầu có hai loại “*Cô đầu hát*”, và “*cô đầu rượu*”.

” Cô đầu hát” chỉ có ca hát thôi. Đã có những bài ca trù, mà các quan viên soạn riêng cho các cô. Nhưng họ cũng phải có những giọng ca thiên phú, tiếng hát trong trẻo, mạch lạc rõ ràng. Mỗi cô ít nhất cũng phải học thuộc nằm lòng mười bài ca gọi là “tử”, của các cụ Tam Nguyên Yên Đổ, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát ...

Cứ vào quăng 8, 9 giờ tối là tiếng đàn, tiếng phách lại nổi lên vang vang ầm ĩ, vọng ra mãi ngoài đường. Những khách bộ hành dù không có sính với tiếng ca, nhịp phách, cũng vắng vắng bên tai: “*Hồng, Hồng! Tuyệt, Tuyệt! Mới ngày nào chưa biết cái chi chi!... Mười lăm năm thám thoát có ra gì...*”

Người ta kể rằng cụ Nguyễn Công Trứ, lúc còn niên thiếu cũng mê cô đầu lắm. Đến nỗi phải theo cô đầu đi làm công, gánh hòm đồ nghề cho các cô, để có dịp được nghe tiếng hát của các nàng. Một hôm chàng quảy đồ nghề cho nàng đi hát, khi ngang qua khu miếu ở giữa cánh đồng làng Tường Yên thuộc huyện Thư Trì. Ở đây có một tòa miếu cổ chung quanh có nhiều cổ thụ um tùm rậm rạp. Đoàn lũ hành vào nghỉ mệt, cho bớt quăng đường xa. Chàng họ Nguyễn định giở trò “nài hoa ép liễu”. Nhưng cô nàng không chịu “đền” nên vùng vằng “ứ hự”.

Một thời gian sau, chàng thư sinh họ Nguyễn đỗ đạt, được bổ làm quan. Khi về trọng nhậm tại một huyện gần quê cũ. Tổng lý đem cô đầu đến hát mừng quan mới. Khi nghe cô đầu ngâm câu: “Giang sơn một gánh giữa đồng... Thuyền quyền ứ hự... Anh hùng nhớ chăng?...” Quan lớn sực tỉnh và nhìn kỹ lại thì đúng là nàng rồi. Lần này có quyền, có thế, chắc cô nàng không còn ứ hự nữa, mà có lẽ là ừ hự. Người ta bảo cô này sau được làm quan tất. Nghĩa là một bước nhảy lên làm Nguyễn phu nhân ngay thôi.

Cụ Nguyễn Công Trứ sau này được làm “doanh điền sứ”, mở mang hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải. Vì vậy nên đất Thái Bình, đã nảy sinh ra phố cô đầu huyện Vũ Tiên, chắc cũng là do thừa hưởng cái di sản vui thú ca trù của cụ. Vì vậy nên vào đầu thế kỷ 20, hay nói cho đúng hơn là vào thời gian trước năm 1945, thì miền bắc chỉ có hai xóm Bình Khang nổi tiếng nhất là Khâm Thiên, (Hà Nội) và Vũ Tiên (Thái Bình). Hai nơi này tập trung toàn là cô đầu gạo cội cả.

“Cô đầu rượu” không cần phải biết ca hát, hay đánh phách, gõ nhịp gì cả. Chỉ cần có một tí nhan sắc. Mấy cô này được cgu? Nhà hát cho ăn diện rất là mỹ miều, để chiêu chiêu ra phát phơ ngoài cửa chào đón quan viên. Khi có khách thì các cô phải lo phục vụ chuốc rượu, và quạt mừng, trải chiếu...

(Thúy Sơn - Phố cô đầu Khâm Thiên)

Tiếng Việt không...dễ thương

Hỏi : Cho xin hỏi cụm từ "oằn tà roằn" có nghĩa gì? Thấy trên mạng người ta xử dụng mà chẳng biết cái "mô tê" gì hết.

Đáp : "oằn tà roằn", Phan tui hoàn toàn không biết.

(Trau giò tiếng Việt - ĐatViet.com)

Nụ cười chữ nghĩa

Đề thi: Trong những tác phẩm em đã học và đã đọc thêm, em thích tác phẩm nào nhất? Vì sao? Hãy chứng minh?

Bài làm lớp 10B:

"Trong kho tàng văn học Việt Nam, ca dao dân ca rất giàu tình nghĩa... Trong các tác phẩm đó, em thích nhất là tác phẩm "Tắt đèn" của Chì Dậu. Vì nó thể hiện tinh thần chống lại sự bóc lột của phụ nữ của chế độ phong kiến. Chứng tỏ chị đã bán con và chó để thể hiện tinh thần kiên quyết đó".

(Văn trẻ Việt ngày nay – Sài Gòn Nhỏ)

Giai phẩm mùa xuân

Trần Dần tham gia phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu. Tháng 4, Trần Dần, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Tử Phác... viết "*Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá*", yêu cầu trả quyền lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ, và thủ tiêu hệ chính uỷ trong các đoàn văn công. Đây là phản ứng công khai đầu tiên trong đòi hỏi tự do sáng tác. Trần Dần bị giam 3 tháng theo quân kỷ vì xin giải ngũ, trả thẻ Đảng để kết hôn với một thiếu nữ Công giáo có gia đình di cư vào Nam.

Tháng 1 1956, *Giai phẩm mùa Xuân* ra đời do Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Sĩ Ngọc, Tử Phác, Phùng Quán, Nguyễn Sáng, Tô Vũ chủ biên. Ngoài những bài đã kích lãnh đạo văn nghệ của đảng còn có bài "*Nhất định thắng*" của Trần Dần. Giai phẩm mùa Xuân bị tịch thu ngay tức khắc. Trần Dần bị bắt.

Chúng ta mất hết cả rồi sao?

Một trong 12 bài di cảo của Vũ Hoàng Chương đã được bà Đinh Thị Thục Oanh (vợ VHC) đính chính vào ngày 17 tháng 7 năm 1999. Chữ *in nghiêng* là đúng nguyên tác của tác giả.

Sáng chưa sáng hẳn tối chưa đành
Gà lợn om sòm cả bức tranh
Rằng vách có tai thơ có họa
Biết lòng ai đỏ mắt ai xanh

Dấu hỏi xoay quanh *trợn kiếp người*
Sên bò *nát óc* máu thấm rơi
Chiều nay một dấu than bùng dứt
Đanh đóng vào xăng tiếng *trả* lời

Chúng ta mất hết cả rồi sao ?
Cả đến âm thanh một thuở nào !
Da trống tờ đàn ôi trúc phách
Đều khổ như khúc hát gầy hao

Đàn mang tiếng *đáy* mà không đáy
Mất hết rồi sao sợi nhớ thương
Tay phách từ lâu nay lạc phách
Không còn đặng mãi bên Tâm Dương.

(Thế Phong – Chiêu niệm bốn nhà văn Sài Gòn)

Giai thoại làng văn

Thập niên 50, số là thời đó ghét Tây, các quan chức văn nghệ kháng chiến ra lệnh tất cả thứ gì dính dáng đến “*chữ Tây*” thì phải đổi đi. Lần đó các quan chức nhờ cụ Phan Khôi dịch một tài liệu Pháp văn về dược liệu có tên là “*pomme de terre*”. Cụ dịch là “*khoai nhạc ngựa*”.

Các quan chê cụ là *lắm cảm*, sao không dịch là “*khoai tây*”.

Cụ Phan Khôi cười mà rằng: “Lâu nay thứ gì động đến chữ Tây thì cấp trên bắt phải đổi đi hết. Do đó tôi không dám dịch “*pomme de terre*” là khoai Tây là thế. Bây giờ ta coi Trung Quốc như hải đăng, vì họ gọi khoai Tây là “*mã linh thư*”

Mã mã linh thư là...cái nhạc đeo cổ ngựa.

(Trà Lũ – báo Văn Nghệ Tiền Phong)

Chữ nghĩa làng văn

Sau khi xuất hiện ở cuối hai câu thơ của bà chúa thơ Nôm, nó biệt tích luôn như một tử ngữ. Đến thế kỷ 21, dường như không còn ai thấy nó ở bất cứ một bài thơ nào khác.

Nó là chữ “*lắc cắc*” và “*tông tông*” trong :

“*Gió thổi cành rung kêu **lắc cắc**
Sóng dồn mặt nước vỗ **tông tông***”

Hồ Xuân Hương đã thêm vào những cái khó của những chữ oái oăm, của những chữ vụn méo. Nhờ chữ “*lắc cắc*” và “*tông tông*” mà bài thơ tượng thanh, tượng hình và hay hơn rất nhiều.

Chữ “*đắt*” như vậy, không ai dám dùng lại nó nữa! Nếu không thể dùng hay hơn bà chúa thơ Nôm từ mấy trăm năm trước...

(Đỗ Long Vân – Giọng nước ẩn...)

Trích...“Tập làm văn”

Đề: Tả con gà

Nhà em có 1 con gà. Nó là giống gà Đông Cảo. Nó to bằng con gà gi. Nó nặng từ 8-10 kg... nên chả hiểu nó là giống gà gì. Cứ sáng sớm thức dậy, con gà trống nhà em nó đều nhảy phốc lên cây rơm, gáy ò ó o.

Gáy xong hồi dài nó lấy hai cánh vỗ phành phạch vào mông đít.

Giai thoại làng văn

Theo sách *Dã sử* của Hoài sơn chép thì năm Gia Long 1819, Minh Mệnh lúc đó là đông cung thái tử, một buổi trưa hè nằm ngủ ở hồ Tĩnh Tâm, mơ thấy một người học trò tên là Giả. Người ấy đội mũ cỏ, cầm một cây gậy đâm xuyên qua mặt trời.

Thái tử về cung gọi quan Thái bộc, kể lại giấc mơ. Quan Thái bộc đoán rằng: “Người tên “*Giả*”, lại đội mũ cỏ, chiết tự ra chữ “*giả*” có bộ “*thảo*” là chữ “*trú*”. Xin điện hạ chờ coi khoa thi này có ai tên Trú thi đỗ không?”.

Thái tử y lời, chờ coi thì thấy người đố thủ khoa năm ấy là tên là:

- Nguyễn Công Trứ.

(Hồng Nhật – Mấy vần thơ xưa)

Một bài ca dao hay

Em như cục cứt trôi sông

Anh như con chó chạy rông trên bờ.

Từ trước đến nay, bài ca dao này thường chỉ được đọc trong những lúc nói chuyện phiếm. Trong ý nghĩa ấy, bài ca dao được nhìn nhận như một cái gì khá tục và khá nhảm. Tuy nhiên, theo tôi, không chừng đó là một bài ca dao hay.

Vấn đề là: nó hay ở chỗ nào?

Trước hết là nó bạo và mới. Dĩ nhiên, nói thế, chúng ta cần thận trọng. Không phải cứ hễ viết tục là thoát sáo. Từ trước đến nay, ở đâu cũng có những người khoái viết tục và viết bạo. Hiện nay, người ta lại càng viết tục và viết bạo. Nhưng chưa chắc đã hay. Dù sao, theo tôi, cái tục của câu ca dao này quả là hay thực. Nó không phải chỉ bạo để bạo, chỉ mới vì mới mà còn là một sự sáng tạo hầu vẽ nên một thế giới gần hiện thực hơn.

Cái tục của ngôn ngữ, cái thô của hình tượng ở đây lại là những cái thực và là một sự sáng tạo. Nó phá đổ những khuôn sáo cũ kỹ và giả tạo trong văn chương bác học.

Hơn nữa, điều đáng nói ở đây là cặp tình nhân tự biết thân phận của họ chẳng ra gì. Thế nhưng họ vẫn cứ yêu nhau, thương nhau. Chúng ta nhớ trong truyện 'Chí Phèo', Chí Phèo và Thị Nở cũng từng có lúc yêu nhau như tất cả mọi cặp tình nhân khác trên đời này. Và trên đời này, tất cả những con người bất hạnh khác, khi yêu nhau, biểu hiện tình yêu có thể khác nhau nhưng những rung cảm những ngáy ngất trong lòng thì chắc chắn là không có gì khác nhau cả.

Câu ca dao, như thế, không phải chỉ tả mối tình giữa hai người khốn khó bất hạnh tự ví mình với những gì hèn mọn. Điều đáng đau xót, toát lên từ câu ca dao này là ở chỗ, mặc dù họ tự biết thân phận của mình, chấp nhận cái số kiếp làm phân, làm chó, họ vẫn không được gần nhau. Em vẫn lênh đênh giữa sông và anh vẫn chạy rông trên bờ.

Giữa hai người vẫn có một khoảng cách vời vợi.

(Nguyễn Hưng Quốc – Đọc...chơi vài bài ca dao)

Truyện cục cứt - Chữ Hán

Ngày xưa, có thầy đồ nổi tiếng dạy giỏi nên có rất nhiều học trò tới theo học, thầy đồ lại có cô con gái rất xinh, lại hay chữ. Trong số các nam sinh có một anh cũng rất giỏi chăm chỉ, nên được cô gái để ý.

Một hôm thầy đồ dẫn các học trò sang làng bên có chuyện, chỉ còn anh học trò nọ ở nhà để già giò, anh ta liền cởi hết quần áo chỉ mặc chiếc quần đùi mỏng để già giò cho dễ. Hằng say lao động, anh không để ý nên "cái ấy" của anh thò ra lúc nào mà không biết. Cô gái đang xay lúa nhìn thấy hỏi anh học trò bằng chữ Hán:

- Hà vật

(*cái gì vậy*)

Anh học trò mắc cỡ, trả lời:

- Thủ tam tam tử

(*đầu con ba ba chết*)

Cô gái thắc mắc:

- Tử hà bất táng
(chết sao không đem chôn)
- Gia bản vô hữu quan tài táng
(nhà nghèo không có tiền mua quan tài để chôn)

Cô gái thấy thương liền nói với chàng trai:

- Bán dạ đáo phòng trung, táng sự quan tài nhục
(nửa đêm vào phòng, cho chôn vào quan tài thịt).

Được lời như cời tấm lòng, đúng nửa đêm anh ta vào phòng để cô gái "táng" cái "thủ tam tam tử" vào "quan tài".

Trong lúc "làm tang lễ", cô gái hỏi chàng trai:

- Tử hà cường hĩ
(chết rồi sao còn khoẻ thế)

Chàng trai thờ hồn hể:

- Táng ư đắc địa, nhi cải tử hoàn sinh
(chôn nơi đất hợp, đang chết tự nhiên sống lại).

Lại chuyện chữ nghĩa với... củ khoai lang

Sắc sử chép rằng đời Minh có ông lang Lâm Hoài Chi sang An Nam tìm dược thảo. Trước khi hồi cố quốc, vua Giao Chỉ ban cho ông một món ăn mà bên Tàu không có. Đó là khoai lang luộc.

Ông thấy ngon quá và mang về làm giống. Tiếng Tàu gọi củ khoai lang là "phán xùy" và tiếng Hán đọc là "*phiên* thụ".

Vì Tàu coi mình là "*thiên quốc*", các nước láng giềng đều là man di mọi rợ. Những thứ gì nhập vào nước Tàu đều có chữ "*phiên*", chữ "*hồ*" đứng trước. Như:

Trái cà chua gọi là "*phiên* gia".

Tiêu sọ gọi là "*hồ* tiêu".

Người trong nước bây giờ cũng vậy:

Với "*thiên quốc*", thay vì gọi là Trung hoa thì người trong nước gọi là... Trung *Quốc*.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bước chân dô quán đèn mờ

Ngồi gần con gái không sờ là ngu!!!

Thà rằng cắt tóc đi tu

Ngồi gần con gái...ngu sao không sờ?

Hát cô đầu

Khi cô đầu hát đèn khỏ nào thì phải đánh trống cho đúng vào nhịp phách, mà cô đầu vừa gõ xuống. Cô đầu thì thường phải ngồi "xếp bằng tròn" dưới chiếu, phách để trước mặt. Phách là một nửa giống tre đực dài độ 20 phân tây. Cô đầu dùng hai thanh như một đôi đũa lớn cũng bằng tre đực, hoặc bằng gỗ lim, đập vào phách nghe lách cách, lách cách. Khi nào cô gõ cao tay phải lên và đập mạnh một cái vào phách, thì người cầm châu phải đập doi châu xuống mặt trống, nghe tiếng "tom" đúng vào nhịp phách. Nếu sai thì gọi là lỗi nhịp.

Người cầm châu thì gọi là "quan viên". Ngày xưa thì ngồi trên sập gụ, trống là một loại đặc biệt, có người gọi là "trống khầu". Tang trống bằng gỗ mít, hay gỗ vàng tâm, cao chừng 20 phân tây, và đường kính độ 18 phân, hai mặt trống bưng kín bằng da trâu, hay da bò rất mỏng. Khi cầm châu quan viên dùng bàn tay trái đề lên mặt trống, bịt kín chừng 1 phần ba

mặt trống về bên trái, còn hai phần ba phía bên phải dùng doi châu mà đập xuống. Dùi trống, cũng gọi là doi châu dài chừng 30 phân tây, bằng gỗ trắc, hay bạch đàn gọt giữa rất nhẵn nhụi. Quan viên dùng tay phải đập xuống mặt trống làm sao cho khi đánh xuống mặt trống chỉ kênh chừng 5, hay 10 độ, và phải hất dùi trống về phía mu bàn tay trái. Như vậy tiếng trống nghe mới kêu giòn. Đó là nghệ thuật của người biết chơi... “cô đầu”.

Các cụ ta ngày xưa đánh trống cô đầu, phải nghe tinh nhịp phách, mà đập xuống. Nhiều khi cô đầu lại lẫn phách, nghĩa là gõ không đúng chỗ, thì quan viên rất khó mà đánh, nên phải đi hát nhiều mới điêu luyện. Nhưng bây giờ, quan viên cứ học thuộc nhiều bài hát. Khi nghe hát đến đâu thì đập trống xuống. Rất chắc ăn! Nói tóm lại học gõ trống cô đầu, tôi nghĩ còn khó hơn học...chữ.

Dưới đây là bài thơ « tom tom, chát chát » của Tú Mỡ:

Cũng ca, cũng hát, cũng tom tom, chát chát xóm bình khang.
Cũng lên râu cụ lý trong làng, cũng học thói làm sang mời mọc khách.
Tiếng nhạc, tiếng đàn, chen tiếng phách. Hơi men, hơi thịt, lẫn hơi người.
Cũng đan tay dùi đục kê vai, cũng đặt hãm một vài câu lếu láo.
Cũng gọi chủ bắt gà nấu cháo. Cũng quạt màn, trải chiếu. Chị em ơi!...

(Thúy Sơn - Phó cô đầu Khâm Thiên)

Trung Quốc, Trung Hoa

Tại sao người trong nước lại gọi Trung Hoa là Trung Quốc?
Bộ không có chữ “quốc” không là một nước được sao?

Các thứ...Hôn

Chỉ hôn là kỷ niệm thành hôn 1 năm. Chỉ là một.
Mộc hôn 5 năm. Mộc là gỗ.
Tích hôn 10 năm. Tích là tích.
Thủy tinh hôn 15 năm.
Từ hôn 20 năm. Từ thách là nam châm.
Ngân hôn 25 năm. Ngân là bạc.
Kim hôn 50 năm. Kim là vàng.
Kim cương thạch hôn 60 năm.

(Ai mà dám làm lễ...từ hôn)

(Viet Tide)

Đình Hùng và bút hiệu Hoài Điệp

Theo Vũ Hoàng Chương - Đình Hùng bị cú sốc tinh thần vào lúc 11 tuổi - hoa khôi Đình thị Tuyết Hồng nhảy xuống hồ Trúc Bạch tự vẫn. Cái chết của người chị trước đó, ông lại bị cú sốc tình đầu – yêu đơn phương một chiều - nàng Kiều Hương. Nàng đi lấy chồng, hết Tố của Vũ Hoàng Chương và Đình Hùng khắc họa chân dung nàng qua bài thơ *Đường vào tình sử*:

“Tần Hương ôi Tần Hương
Tên nàng như hoa đẹp
Chàng là bướm tơ vương
Nên chàng là *Hoài Điệp*...”

Và chẳng ngạc nhiên gì, sau này Đình Hùng dùng bút danh *Hoài Điệp* (trước) và sau là *Hoài Điệp Thứ Lang* trong tiểu thuyết đăng nhiều kỳ trên báo từ sau 1954.

Vậy bài thơ đầu tiên nào của Đinh Hùng được đăng báo? Đó là “ *Đám ma tôi* “, Đinh Hùng ký *Hoài Diệp*, do Nguyễn Đức Chính đưa cho Nxb Tân Việt in.

(Thế Phong – Đinh Hùng: Giải thơ văn chương toàn quốc)

Tiếng Việt tiếng Pháp

Hiện tại, trong vốn từ của Việt Nam, ngoài 60% là từ gốc Hán còn khoảng 200 từ là từ của gốc Pháp. Các từ này còn đang sử dụng đâu đó, nhiều khi miệng nói, tay viết ra nhưng không biết câu ấy có tiếng Pháp trong đó, như:

- Thằng đó chuyên lấy *le* để *cua* đào, nhưng con nhỏ kia lại hay làm *reo*.

Một câu như vậy đã 3 chữ Pháp: “*le*”, “*cua*” và “*reo*”.

(Nguyễn Đức Tuấn – Đặc san Phù Sa Sông Cừu)